

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TML24B3**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MD06125**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Lạnh cơ bản**

Số TC: **6**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2455202050602	Nguyễn Nhật	Anh	15/10/2008			5	6	8.0	8.0			5.0		5.9
2	2455202050603	Phan Trường	Anh	13/10/2009			8	0	0.0	6.0			CT		1.3
3	2455202050604	Phạm Lê	Bảo	08/11/2009			7	7	8.0	7.0			6.0		6.5
4	2455202050605	La Nguyên	Chương	17/10/2009			8	8	9.0	9.0			8.0		8.3
5	2455202050606	Thái Hoàng	Hải	24/11/2009			5	8	8.0	8.0			8.5		8.1
6	2455202050607	Phan Thanh	Hiệp	04/10/2009			8	6	9.0	7.0			5.0		6.1
7	2455202050610	Nguyễn Hoàng Nhứt	Huy	27/04/2009			7	8	9.0	8.0			7.5		7.8
8	2455202050611	Trần Nhĩ	Khang	05/02/2009			8	9	9.0	8.0			6.0		7.0
9	2455202050612	Phạm Anh	Khoa	14/06/2009			5	6	6.0	8.0			6.5		6.5
10	2455202050613	Ngô Thông	Khoán	01/10/2008			7	8	8.0	8.0			6.5		7.0
11	2455202050614	Quách Minh	Khôi	04/07/2009			5	6	5.0	7.0			5.5		5.6
12	2455202050615	Hồ Tuấn	Kiệt	30/07/2009			6	8	8.0	8.0			6.0		6.7
13	2455202050616	Trương Huỳnh Phú	Lộc	23/10/2009			0	0	0.0	0.0			CT		0.0
14	2455202050618	Nguyễn Lý Hiền	Lương	11/06/2008			8	8	10.0	9.0			0.0		3.6
15	2455202050620	Trần Công	Minh	02/07/2009			8	8	8.0	9.0			8.5		8.4
16	2455202050621	Trần Quốc	Minh	10/05/2009			0	0	0.0	0.0			CT		0.0
17	2455202050622	Đặng Khoa	Nam	09/06/2009			7	8	8.0	8.0			5.5		6.4
18	2455202050623	Lê Văn	Nghĩa	19/03/2009			8	9	9.0	9.0			7.5		8.0
19	2455202050624	Phạm Trần	Nghĩa	25/03/2009			9	8	9.0	9.0			7.5		8.0
20	2455202050625	Tào Hồng	Quý	02/02/2008			8	9	10.0	9.0			5.0		6.7
21	2455202050626	Bùi Thanh	Sang	09/05/2005			8	8	9.0	9.0			6.0		7.1
22	2455202050627	Lê Nguyễn Hoàng	Sĩ	02/06/2009			7	8	9.0	8.0			7.5		7.8
23	2455202050628	Lê Văn	Thắng	17/09/2009			6	6	8.0	8.0			7.5		7.4
24	2455202050629	Nguyễn Minh	Thắng	07/04/2009			7	8	9.0	9.0			6.5		7.3
25	2455202050630	Hàng Niệm	Thiên	14/05/2008			9	8	9.0	10.0			9.0		9.1
26	2455202050631	Thiều Quang	Thiện	09/07/2009			8	8	9.0	9.0			9.0		8.9
27	2455202050632	Lê Trường	Thịnh	15/10/2009			6	6	9.0	8.0			0.0		3.1
28	2455202050633	Thái Minh	Thông	19/04/2009			8	8	9.0	9.0			7.0		7.7
29	2455202050634	Nguyễn Minh	Tiến	05/08/2009			8	8	9.0	9.0			6.0		7.1
30	2455202050635	Nguyễn Mai Tiến	Toàn	07/06/2009			7	8	9.0	9.0			7.5		7.9
31	2455202050636	Đặng Hàng Minh	Triết	12/09/2008			7	7	8.0	9.0			6.0		6.8
32	2455202050637	Phạm Minh	Triết	05/06/2009			6	0	0.0	0.0			CT		0.4
33	2455202050638	Nguyễn Hoàng	Việt	01/03/2009			7	0	0.0	0.0			CT		0.5
34	2455202050639	Huỳnh Lê Tuấn	Vũ	27/08/2009			6	6	10.0	8.0			6.0		6.8

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 7 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Võ Thành Lâm